

B, ngày 20 tháng 01 năm 2022

Số: 114/2022/QĐST-VHNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ khoản 2 Điều 396; khoản 4 Điều 397; khoản 2 Điều 149; Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, 11, 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và khoản 1 Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 125/2022/TLST-VHNGĐ, ngày 10/01/2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Bà **PHẠM TỔ N**

Sinh năm: 1991

Hộ khẩu thường trú: Khu B Sân Bay, khu phố 6, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai

2. Ông **ĐẶNG THANH HOÀNG L**

Sinh năm: 1991

Hộ khẩu thường trú: 8/H1, khu phố 1, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Bà Phạm Tổ N và ông Đặng Thanh Hoàng L thỏa thuận như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Tổ N và ông Đặng Thanh Hoàng L thỏa thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu Đặng Hoàng K, sinh ngày 13/10/2016. Ly hôn, bà N và ông L thống nhất giao cháu K cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Hàng tháng ông L cấp dưỡng cho con là 6.000.000 đồng/tháng (Sáu triệu đồng).

[3] Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Bà Phạm Tố N và ông Đặng Thanh Hoàng L mỗi người phải chịu 150.000đ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ bà N, ông L đã nộp theo biên lai thu số 0001049 ngày 10/01/2022 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố B.

[6] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 12 tháng 01 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Tố N và ông Đặng Thanh Hoàng L thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bà N và ông L giao con chung là cháu Đặng Hoàng K, sinh ngày 13/10/2016 cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông L cấp dưỡng cho cháu K mỗi tháng 6.000.000đ/tháng (Sáu triệu đồng) kể từ ngày Quyết định của Tòa án có hiệu lực cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Kể từ ngày bà N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Long không cấp dưỡng nuôi con với số tiền thỏa thuận nêu trên thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ông L được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản. **Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết ông bà được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.**

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về lệ phí: Bà Phạm Tố N và ông Đặng Thanh Hoàng L mỗi người phải chịu 150.000đ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ bà N, ông L đã nộp theo biên lai thu số 0001049 ngày 10/01/2022 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố B.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố B;
- Chi cục THADS Tp.B;
- UBND nơi ĐKKH;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Trần Nhân